

Số: /BC-TTKN

An Giang, ngày tháng 06 năm 2026

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

### **Vai trò của khuyến nông trong chuyển đổi số và quản lý phát thải khí nhà kính phục vụ phát triển vùng lúa chất lượng cao, phát thải thấp tại tỉnh An Giang**

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Giấy mời tham dự Tọa đàm “Chuyển đổi số và quản lý phát thải khí nhà kính phục vụ phát triển vùng lúa chất lượng cao, phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long” do Trung tâm Khuyến nông vùng Đồng bằng sông Cửu Long tổ chức ngày 22 tháng 6 năm 2026 tại tỉnh An Giang;

Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang báo cáo tham luận một số nội dung về vai trò của công tác khuyến nông trong chuyển đổi số và quản lý phát thải khí nhà kính phục vụ phát triển vùng lúa chất lượng cao, phát thải thấp trên địa bàn tỉnh như sau:

### **I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

An Giang là địa phương có vai trò quan trọng trong sản xuất lúa gạo của vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Sau khi thực hiện sắp xếp, hợp nhất đơn vị hành chính, tỉnh An Giang có không gian phát triển nông nghiệp rộng lớn hơn, đa dạng hơn về điều kiện sinh thái, bao gồm vùng sản xuất lúa thâm canh, vùng lúa - tôm, vùng ven biển, vùng chịu ảnh hưởng của hạn, mặn, phèn và biến đổi khí hậu. Đây vừa là lợi thế, vừa là yêu cầu đặt ra cho ngành nông nghiệp tỉnh trong việc tổ chức lại sản xuất theo hướng hiện đại, xanh, hiệu quả và thích ứng.

Trong thời gian qua, sản xuất lúa của tỉnh đạt nhiều kết quả quan trọng, đóng góp tích cực vào an ninh lương thực, xuất khẩu gạo, ổn định sinh kế và thu nhập

cho nông dân. Tuy nhiên, sản xuất lúa cũng đang đứng trước nhiều thách thức lớn như chi phí vật tư nông nghiệp tăng, giá lúa biến động, liên kết tiêu thụ chưa bền vững, hạ tầng nội đồng chưa đồng bộ, tập quán sản xuất của một bộ phận nông dân còn chậm đổi mới, việc ghi chép nhật ký sản xuất và truy xuất nguồn gốc chưa được thực hiện đồng đều.

Bên cạnh đó, yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính trong nông nghiệp ngày càng trở nên cấp thiết. Trong canh tác lúa, các nguồn phát thải chủ yếu phát sinh từ quản lý nước tưới chưa hợp lý, bón phân chưa cân đối, sử dụng dư thừa phân đạm, đốt rơm rạ sau thu hoạch hoặc vùi rơm rạ trong điều kiện ngập nước. Những vấn đề này không chỉ ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe đất, chất lượng nông sản mà còn tác động trực tiếp đến khả năng tham gia thị trường gạo chất lượng cao, thị trường phát thải thấp và các cơ chế tín chỉ carbon trong tương lai.

Trong bối cảnh đó, chuyển đổi số và quản lý phát thải khí nhà kính trong canh tác lúa không chỉ là yêu cầu về kỹ thuật, mà còn là giải pháp quản trị ngành hàng. Đây là công cụ giúp minh bạch hóa quá trình sản xuất, đo lường hiệu quả giảm phát thải, truy xuất nguồn gốc, quản lý vùng nguyên liệu và nâng cao giá trị hạt gạo. Đối với hệ thống khuyến nông, nhiệm vụ đặt ra là phải chuyển từ vai trò “chuyên gia kỹ thuật” đơn thuần sang vai trò “đồng hành, tổ chức, số hóa, giám sát và kết nối” trong toàn bộ quá trình sản xuất.

## **II. KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU TRONG TRIỂN KHAI VÙNG LÚA CHẤT LƯỢNG CAO, PHÁT THẢI THẤP**

### **1. Về quy mô diện tích và tổ chức thực hiện Đề án**

Thực hiện Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long, tỉnh An Giang đã tích cực chỉ đạo, ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo hướng kế thừa kết quả từ các chương trình, dự án trước đây, đồng thời mở rộng các mô hình mới phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Năm 2024, tổng diện tích tham gia Đề án trên địa bàn tỉnh đạt 74.835 ha. Đến năm 2025, diện tích lúa chất lượng cao đạt chuẩn phát thải thấp tiếp tục được mở rộng, đạt trên 150.000 ha, vượt kế hoạch đề ra, với sản lượng trên 900.000 tấn lúa. Kết quả này cho thấy Đề án đã bước đầu tạo được sự chuyển biến trong nhận thức và hành động của các địa phương, hợp tác xã, doanh nghiệp và nông dân.

Về áp dụng tiêu chí canh tác bền vững, năm 2025 diện tích áp dụng nhóm 03 tiêu chí gồm xiết nước 1 - 2 lần, giảm phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật đạt

trên 150.000 ha; diện tích áp dụng nhóm 04 tiêu chí gồm giảm giống, xiết nước, giảm phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật đạt trên 108.000 ha; diện tích áp dụng nhóm 05 tiêu chí, bổ sung nội dung thu gom rơm rạ, đạt trên 43.000 ha. Diện tích được cấp mã số vùng trồng đạt trên 22.000 ha. Đây là nền tảng quan trọng để từng bước hình thành vùng nguyên liệu có dữ liệu, có tiêu chuẩn, có liên kết và có khả năng truy xuất.

## 2. Về hiệu quả kinh tế, kỹ thuật và môi trường

Thông qua các mô hình trình diễn và nhân rộng, nông dân đã từng bước áp dụng các giải pháp kỹ thuật như giảm lượng giống gieo sạ, quản lý phân bón cân đối, giảm thuốc bảo vệ thực vật, áp dụng tưới ngập khô xen kẽ, quản lý rơm rạ sau thu hoạch, sử dụng chế phẩm sinh học, phân hữu cơ và từng bước ứng dụng thiết bị thông minh trong sản xuất.

Kết quả từ các mô hình cho thấy ruộng mô hình giảm lượng giống gieo sạ trung bình khoảng 67 kg/ha so với tập quán ngoài mô hình; chi phí đầu vào giảm từ 3,3 - 5,0 triệu đồng/ha; lợi nhuận tăng thêm từ 3,6 - 9,3 triệu đồng/ha so với đối chứng. Một số phép đo thí điểm về phát thải khí nhà kính cũng ghi nhận kết quả giảm phát thải đáng khích lệ, tạo cơ sở thực tiễn để tiếp tục hoàn thiện phương pháp đo đạc, báo cáo, thẩm định trong thời gian tới.

Đối với dự án “Cánh đồng lớn đáp ứng vùng nguyên liệu và ứng phó biến đổi khí hậu” năm 2025, Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang đã tập trung triển khai đồng bộ nhiều nội dung như hỗ trợ giống lúa xác nhận, hỗ trợ vật tư đầu vào, phân bón hữu cơ, chế phẩm xử lý rơm rạ, thiết bị cảm biến ướt khô xen kẽ, tổ chức hội nghị triển khai mô hình, tập huấn kỹ thuật, hội thảo đầu bờ và hướng dẫn nông dân ghi chép nhật ký sản xuất. Dự án góp phần thúc đẩy sản xuất theo cánh đồng lớn, phát huy vai trò hợp tác xã, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư nông nghiệp và tạo tiền đề cho chuyển đổi số trong quản lý vùng nguyên liệu.

## 3. Về liên kết sản xuất, tiêu thụ và vai trò của hợp tác xã

Toàn tỉnh đã từng bước hình thành các vùng liên kết sản xuất - tiêu thụ với sự tham gia của hợp tác xã, doanh nghiệp cung ứng vật tư, doanh nghiệp thu mua, chế biến, xuất khẩu và lực lượng khuyến nông. Diện tích có hợp đồng bao tiêu, liên kết chuỗi đạt trên 30.000 ha. Nhiều doanh nghiệp đã tham gia đồng hành trong chuỗi cung ứng vật tư và bao tiêu sản phẩm, góp phần tạo đầu ra ổn định hơn cho nông dân.

Hợp tác xã giữ vai trò trung tâm trong tổ chức lại sản xuất. Thông qua hợp tác xã, việc thống nhất giống, lịch thời vụ, quy trình kỹ thuật, quản lý nước, thu gom rơm rạ, ghi chép nhật ký sản xuất, liên kết tiêu thụ và truy xuất nguồn gốc được triển khai thuận lợi hơn. Đây cũng là đơn vị phù hợp để tiếp nhận, vận hành các công cụ chuyển đổi số, quản lý dữ liệu đồng ruộng và phối hợp thực hiện hệ thống đo đạc - báo cáo - thẩm định phát thải khí nhà kính.

### **III. VAI TRÒ CỦA TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ QUẢN LÝ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH**

#### **1. Vai trò chuyển giao kỹ thuật và thay đổi tập quán sản xuất**

Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang xác định nhiệm vụ trọng tâm là đồng hành cùng nông dân trong thay đổi phương thức sản xuất lúa theo hướng giảm chi phí, giảm phát thải và tăng giá trị. Các nội dung chuyển giao tập trung vào giảm giống gieo sạ, sử dụng giống xác nhận, bón phân cân đối, giảm lượng phân đạm, tăng cường phân hữu cơ, áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp, giảm thuốc bảo vệ thực vật, quản lý nước theo phương pháp ngập khô xen kẽ và quản lý rơm rạ sau thu hoạch.

Trong quá trình triển khai, khuyến nông không chỉ tổ chức tập huấn lý thuyết mà còn trực tiếp hướng dẫn nông dân tại đồng ruộng, theo dõi từng giai đoạn sinh trưởng của cây lúa, ghi nhận khó khăn phát sinh và kịp thời điều chỉnh giải pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện từng vùng. Cách làm này giúp nông dân thấy rõ hiệu quả thực tế, từ đó tăng mức độ tin tưởng và chủ động áp dụng quy trình.

#### **2. Vai trò hỗ trợ số hóa dữ liệu sản xuất**

Chuyển đổi số trong sản xuất lúa cần bắt đầu từ dữ liệu đồng ruộng. Trung tâm Khuyến nông có vai trò hướng dẫn nông dân và hợp tác xã ghi chép đầy đủ các thông tin về giống, lượng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, số lần bơm tưới, thời gian xiết nước, xử lý rơm rạ, chi phí sản xuất, năng suất, giá bán và lợi nhuận.

Khi các thông tin này được chuẩn hóa và từng bước chuyển sang nhật ký điện tử, hợp tác xã và cơ quan quản lý có thể theo dõi quá trình sản xuất một cách minh bạch hơn. Dữ liệu sản xuất cũng là cơ sở để truy xuất nguồn gốc, đánh giá hiệu quả mô hình, so sánh giữa ruộng mô hình và ruộng đối chứng, đồng thời phục vụ hệ thống MRV trong quản lý phát thải khí nhà kính.

Trong thời gian tới, cần xây dựng mô hình “hợp tác xã số trong vùng lúa phát thải thấp”, trong đó mỗi hợp tác xã có bản đồ số vùng sản xuất, danh sách hộ tham gia, mã số vùng trồng, nhật ký điện tử, dữ liệu vật tư đầu vào, lịch thời vụ,

hợp đồng liên kết và dữ liệu thu hoạch. Trung tâm Khuyến nông sẽ là lực lượng hỗ trợ trực tiếp để hợp tác xã từng bước vận hành hệ thống này.

### 3. Vai trò hỗ trợ quản lý nước và ứng dụng tưới ngập khô xen kẽ

Quản lý nước là một trong những giải pháp quan trọng để giảm phát thải khí methane trong canh tác lúa. Thông qua các mô hình, Trung tâm Khuyến nông đã hướng dẫn nông dân áp dụng tưới ngập khô xen kẽ, sử dụng ống đo nước hoặc cảm biến AWD để theo dõi mực nước ruộng, từ đó điều tiết nước tưới hợp lý, hạn chế tập quán giữ nước ngập liên tục.

Việc ứng dụng thiết bị cảm biến ướt khô xen kẽ giúp nông dân quan sát mực nước rõ ràng hơn, góp phần tiết kiệm nước, giảm chi phí bơm tưới, tạo điều kiện cho bộ rễ phát triển tốt và giảm phát thải khí nhà kính. Tuy nhiên, để áp dụng hiệu quả trên diện rộng, cần tổ chức sản xuất theo cánh đồng lớn, có hệ thống thủy lợi nội đồng phù hợp, có lịch điều tiết nước chung và có sự phối hợp giữa nông dân, hợp tác xã, tổ bơm tưới và chính quyền địa phương.

### 4. Vai trò tham gia hệ thống MRV phát thải khí nhà kính

Đo đạc - báo cáo - thẩm định phát thải khí nhà kính là yêu cầu mới trong sản xuất lúa phát thải thấp. Để thực hiện MRV hiệu quả, cần có sự phối hợp giữa cơ quan quản lý, đơn vị nghiên cứu, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Trong đó, lực lượng khuyến nông có vai trò rất quan trọng ở cấp cơ sở.

Khuyến nông là lực lượng gần dân, sát đồng ruộng, am hiểu điều kiện sản xuất và có khả năng hỗ trợ thu thập dữ liệu hiện trường. Cán bộ khuyến nông có thể tham gia hướng dẫn ghi chép nhật ký sản xuất, kiểm tra việc áp dụng quy trình, xác nhận thông tin về thời gian rút nước, lượng giống, lượng phân bón, quản lý rơm rạ, năng suất và hiệu quả kinh tế. Đây là nguồn dữ liệu đầu vào quan trọng để phục vụ tính toán, mô hình hóa và kiểm chứng kết quả giảm phát thải.

Trong giai đoạn tới, cần đào tạo đội ngũ cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng và cán bộ hợp tác xã về quy trình MRV, phương pháp thu thập dữ liệu, sử dụng nhật ký điện tử, quản lý thiết bị đo, kiểm tra hiện trường và tổng hợp báo cáo. Khi đội ngũ này được chuẩn hóa năng lực, hệ thống MRV mới có thể vận hành ổn định, tiết kiệm chi phí và phù hợp với thực tiễn sản xuất của nông dân.

### 5. Vai trò kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân

Sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp chỉ bền vững khi có thị trường tiêu thụ ổn định và lợi ích của nông dân được bảo đảm. Trung tâm Khuyến nông có vai trò kết nối doanh nghiệp với hợp tác xã và nông dân ngay từ đầu vụ, giúp thống

nhất giống, quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, phương thức thu mua, ghi chép dữ liệu và chia sẻ lợi ích.

Bên cạnh đó, khuyến nông cần phối hợp với doanh nghiệp cung ứng vật tư để hướng dẫn sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học đúng kỹ thuật; phối hợp với doanh nghiệp tiêu thụ để xây dựng vùng nguyên liệu đáp ứng yêu cầu thị trường; phối hợp với hợp tác xã để quản lý lịch thời vụ, cơ giới hóa, thu hoạch, vận chuyển, sấy, bảo quản và truy xuất nguồn gốc.

#### **IV. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ**

Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình triển khai chuyển đổi số và quản lý phát thải khí nhà kính trong sản xuất lúa tại An Giang vẫn còn một số khó khăn, hạn chế.

Thứ nhất, tập quán sản xuất của một bộ phận nông dân còn chậm thay đổi. Một số hộ vẫn có tâm lý sạ dày, bón thừa phân đạm, phun thuốc bảo vệ thực vật theo thói quen, chưa mạnh dạn áp dụng tưới ngập khô xen kẽ hoặc giảm vật tư đầu vào do lo ngại ảnh hưởng đến năng suất.

Thứ hai, hạ tầng thủy lợi nội đồng ở một số vùng chưa đáp ứng yêu cầu quản lý nước chủ động. Việc áp dụng AWD trên diện rộng cần có hệ thống bờ bao, cống, trạm bơm, kênh mương và mặt bằng đồng ruộng tương đối đồng bộ. Những vùng chưa chủ động được nước sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện đúng quy trình.

Thứ ba, công tác thu gom và tái sử dụng rơm rạ còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là thiếu máy móc thu gom, thiếu điểm tập kết, chi phí vận chuyển cao, thị trường tiêu thụ rơm chưa ổn định và doanh nghiệp chế biến phụ phẩm rơm rạ còn ít. Nếu chưa hình thành được chuỗi giá trị rơm rạ, việc giảm đốt rơm và giảm phát thải sẽ gặp khó khăn.

Thứ tư, năng lực quản trị của một số hợp tác xã còn hạn chế. Không ít hợp tác xã chưa đủ nhân lực và kỹ năng để quản lý dữ liệu sản xuất, ký kết hợp đồng liên kết, điều hành dịch vụ đầu vào - đầu ra, vận hành nhật ký điện tử hoặc tổ chức sản xuất theo tiêu chuẩn phát thải thấp.

Thứ năm, dữ liệu phục vụ chuyển đổi số và MRV chưa đồng bộ. Việc ghi chép nhật ký sản xuất còn chưa đều; mã số vùng trồng chưa bao phủ toàn bộ diện tích; dữ liệu về vật tư, nước tưới, rơm rạ, phát thải và hiệu quả kinh tế còn phân tán. Đây là điểm nghẽn cần được tháo gỡ để nâng cao tính minh bạch và khả năng chứng minh kết quả giảm phát thải.

## V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

### 1. Tiếp tục đổi mới phương pháp khuyến nông

Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang tiếp tục đổi mới hoạt động khuyến nông theo hướng lấy nông dân và hợp tác xã làm trung tâm, lấy hiệu quả kinh tế làm động lực, lấy chuyển đổi số và giảm phát thải làm tiêu chí mới. Nội dung tập huấn cần ngắn gọn, dễ hiểu, dễ áp dụng, gắn với từng giai đoạn sinh trưởng của cây lúa và từng điều kiện sinh thái cụ thể.

Cần tăng cường phương pháp “cầm tay chỉ việc”, xây dựng mô hình trình diễn có đối chứng, tổ chức hội thảo đầu bờ, ngày hội thu hoạch, tọa đàm kỹ thuật và truyền thông trực quan để nông dân thấy rõ hiệu quả của giảm giống, giảm phân bón, giảm thuốc bảo vệ thực vật, quản lý nước hợp lý và thu gom rơm rạ.

### 2. Xây dựng hợp tác xã làm trung tâm chuyển đổi số

Mỗi vùng sản xuất lúa chất lượng cao, phát thải thấp cần gắn với một hoặc một số hợp tác xã đủ năng lực tổ chức sản xuất. Hợp tác xã cần được hỗ trợ xây dựng bản đồ số vùng sản xuất, danh sách hộ thành viên, mã số vùng trồng, nhật ký điện tử, dữ liệu đầu vào, lịch thời vụ, hợp đồng liên kết và dữ liệu thu hoạch.

Trung tâm Khuyến nông phối hợp với các đơn vị chuyên môn hướng dẫn hợp tác xã quản lý dữ liệu, cập nhật nhật ký sản xuất, tổng hợp hiệu quả kinh tế, quản lý thiết bị đo nước và phục vụ truy xuất nguồn gốc. Đây là bước quan trọng để chuyển đổi số đi vào thực chất, không hình thức.

### 3. Hoàn thiện mô hình MRV cấp cơ sở

Cần lựa chọn một số vùng đại diện cho các hệ sinh thái khác nhau như vùng lúa thâm canh, vùng lúa - tôm, vùng chịu ảnh hưởng mặn, vùng có điều kiện thủy lợi chủ động để thí điểm quy trình MRV. Nội dung MRV cần kết hợp dữ liệu nhật ký sản xuất của nông dân, dữ liệu kiểm tra hiện trường của khuyến nông và hợp tác xã, dữ liệu thiết bị đo, dữ liệu viễn thám và mô hình tính toán phát thải.

Trung tâm Khuyến nông đề xuất tăng cường đào tạo cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng và cán bộ hợp tác xã về phương pháp thu thập số liệu, kiểm tra hiện trường, sử dụng biểu mẫu MRV, vận hành nhật ký điện tử và tổng hợp báo cáo phát thải.

### 4. Đẩy mạnh ứng dụng AWD và quản lý nước thông minh

Cần tiếp tục nhân rộng mô hình tưới ngập khô xen kẽ tại những vùng có điều kiện thủy lợi phù hợp; đồng thời đầu tư, nâng cấp hạ tầng nội đồng để mở rộng diện

tích áp dụng. Khuyến khích sử dụng ống đo mực nước, cảm biến AWD, thiết bị truyền dữ liệu và phần mềm quản lý nước theo tổ hợp tác, hợp tác xã.

Việc áp dụng AWD cần được tổ chức đồng bộ theo cánh đồng, không chỉ theo từng hộ riêng lẻ. Hợp tác xã cần đóng vai trò điều phối lịch bơm tưới, thời gian rút nước, thời gian lấy nước trở lại và giám sát việc thực hiện của các hộ thành viên.

#### 5. Phát triển chuỗi giá trị rơm rạ

Để giảm phát thải từ rơm rạ, cần phát triển đồng bộ các dịch vụ thu gom, vận chuyển, sơ chế và tiêu thụ rơm. Trung tâm Khuyến nông đề xuất hỗ trợ hợp tác xã xây dựng dịch vụ thu gom rơm; kết nối doanh nghiệp đầu tư máy cuốn rơm, kho chứa, cơ sở sản xuất phân hữu cơ, nấm rơm, thức ăn chăn nuôi, đệm lót sinh học và năng lượng sinh khối.

Quản lý rơm rạ phải được xem là một hợp phần trong chuỗi giá trị lúa gạo phát thải thấp, không chỉ là biện pháp xử lý phụ phẩm sau thu hoạch. Khi rơm rạ có đầu ra ổn định, nông dân sẽ giảm đốt rơm, giảm vùi rơm trong điều kiện ngập nước và tăng thêm nguồn thu nhập.

#### 6. Tăng cường liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân

Cần thúc đẩy doanh nghiệp tham gia từ đầu vụ, cùng hợp tác xã và nông dân thống nhất giống, quy trình kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, phương thức thu mua và chia sẻ lợi ích. Hợp đồng liên kết cần rõ ràng, minh bạch, có cơ chế xử lý rủi ro khi giá thị trường biến động.

Khuyến nông tiếp tục giữ vai trò trung gian kỹ thuật, hỗ trợ các bên thực hiện đúng quy trình, giám sát chất lượng vùng nguyên liệu, ghi nhận dữ liệu sản xuất và góp phần xây dựng niềm tin giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân.

### **VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang kiến nghị Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, Trung tâm Khuyến nông vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các viện, trường, tổ chức quốc tế tiếp tục hỗ trợ tỉnh trong đào tạo cán bộ khuyến nông về chuyển đổi số, MRV và định lượng phát thải khí nhà kính trong canh tác lúa.

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan chuyên môn và các tổ chức nghiên cứu hỗ trợ xây dựng bộ biểu mẫu MRV thống nhất, đơn giản, dễ áp dụng ở cấp hợp tác xã và cấp nông hộ; hỗ trợ chuyển giao công nghệ tính toán phát thải, quản lý nước AWD, nhật ký điện tử và truy xuất nguồn gốc.

Đề nghị tỉnh quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư hạ tầng thủy lợi nội đồng, trạm bơm, hệ thống quan trắc nước, cơ sở sấy, kho chứa, cơ giới hóa thu gom rơm rạ và hỗ trợ hợp tác xã nâng cao năng lực quản trị vùng nguyên liệu.

Đề nghị các doanh nghiệp tiếp tục đồng hành với nông dân và hợp tác xã trong xây dựng vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao, phát thải thấp; tham gia cung ứng vật tư đầu vào theo hướng tiết kiệm, an toàn; ký kết hợp đồng tiêu thụ ổn định; đồng thời phối hợp thực hiện truy xuất nguồn gốc và chứng minh kết quả giảm phát thải.

## VII. KẾT LUẬN

Chuyển đổi số và quản lý phát thải khí nhà kính là yêu cầu tất yếu trong phát triển vùng lúa chất lượng cao, phát thải thấp tại tỉnh An Giang nói riêng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Thực tiễn triển khai thời gian qua cho thấy, khi nông dân được hướng dẫn đúng kỹ thuật, hợp tác xã được tổ chức tốt, doanh nghiệp tham gia liên kết và dữ liệu sản xuất được quản lý minh bạch, sản xuất lúa phát thải thấp hoàn toàn có thể mang lại hiệu quả đồng thời về kinh tế, môi trường và xã hội.

Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang xác định sẽ tiếp tục đồng hành cùng nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và các địa phương trong triển khai Đề án 1 triệu ha lúa; lấy cánh đồng lớn làm nền tảng, lấy hợp tác xã làm trung tâm, lấy chuyển đổi số làm công cụ, lấy MRV làm cơ sở chứng minh kết quả và lấy lợi ích của nông dân làm mục tiêu xuyên suốt.

Trên đây là Báo cáo tham luận của Trung tâm Khuyến nông tỉnh An Giang tại Tọa đàm “Chuyển đổi số và quản lý phát thải khí nhà kính phục vụ phát triển vùng lúa chất lượng cao, phát thải thấp vùng Đồng bằng sông Cửu Long”.

**Nơi nhận:**

- Ban Tổ chức tọa đàm;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, KN.

**GIÁM ĐỐC**

**Huỳnh Đào Nguyên**